TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TUY AN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2024/HSST
Ngày: 21/02/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY AN, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Diễm Huyền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Sáu và ông Nguyễn Mạnh Tiến
-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vi Phương- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy An, mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 34/2023/HSST ngày 28 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/ HSST-QĐ ngày 01 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

Đặng Thị Tuyết T– sinh ngày 05/11/1979, tại tỉnh Phú Yên; Nơi cư trú: Khu phố L, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa (học vấn):12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đặng P, sinh năm 1953 và bà Trần Thị N, sinh năm 1962; Chồng: Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1975 (Đã ly hôn); Có 02 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại*: Ngân hàng N3 – Chi nhánh huyện T. Địa chỉ: Số C Quốc lộ A, khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu S – Giám đốc Ngân hàng N3-Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hoàng B – sinh năm 1996- Cán bộ pháp chế (theo văn bản ủy quyền số 23/GUQ-NHNoTA ngày 30/01/2024)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Nguyễn Thị D, sinh năm 1968; Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Nguyễn Á, sinh năm 1965; Trú tại: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

3/ Trần Văn T1, sinh năm 1980; Trú tại: Khu phố T, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

4/ Lê Văn C, sinh năm 1976; Trú tại: Khu phố C, thị trấn C, huyện T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

5/ Lê Quốc H, sinh năm 1979; Trú tại: D H, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

6/ Nguyễn Thị Minh Đ, sinh năm 1968; Trú tại: Khu phố L, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

7/ Huỳnh Chí T2, sinh năm 1974; Trú tại: B N, phường A, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

8/ Võ Thị Kim C1, sinh năm 1979; Trú tại: Khu phố L, phường I, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

9/ Hoàng Thị N2, sinh năm 1980; Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt (có đơn xét xử vắng mặt).

** Người làm chứng:*

1/ Võ Thị Mỹ L, sinh năm 1966; Trú tại: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/ Nguyễn Phi D1, sinh năm 1984; Trú tại: Thôn H, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

3/ Dương Thị M, sinh năm 1970; Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

4/ Mang Thị T3, sinh năm 1967; Trú tại: Thôn M, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/11/2001, Ngân hàng N3 (gọi tắt là A) – Chi nhánh tỉnh Phú Yên tuyển dụng Đặng Thị Tuyết T vào làm việc tại A chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên - Phòng G. Đến ngày 12/5/2014, A – Chi nhánh tỉnh Phú Yên có Quyết định số: 104/QĐ-NHNoPY-HCNS về việc điều động cán bộ, viên chức đối với Đặng Thị Tuyết T làm công tác giao dịch viên kế toán tại A chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên –Phòng giao dịch A.

Theo quy định của Hội đồng thành viên A (cụ thể theo quy định Công văn số 2138/NHNo-TCKT ngày 27/3/2014 của A) quy định về hạn mức giao dịch tiền mặt, hạn mức kiểm soát chi tiền mặt tại quầy giao dịch: Hạn mức giao dịch tiền mặt, chuyển khoản tại A - Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên – Phòng giao dịch A (chi nhánh loại II) đối với Giao dịch viên kế toán là đến 500.000.000 đồng và hạn mức giao dịch chi tiền mặt tối thiểu phải qua kiểm soát trên hệ thống IPCAS (trừ giao dịch tự động, giao dịch trên hệ thống ATM) đối với chi nhánh loại II đối với các giao dịch rút/chi tiền từ tài khoản tiền gửi từ 30.000.000 đồng trở lên. Theo

quy định nêu trên Giao dịch viên kế toán tại A chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên – Phòng giao dịch A (chi nhánh loại II) được giao quyền tự thực hiện, tự phê duyệt trên hệ thống IPCAS đối với các giao dịch rút/chi tiền từ tài khoản tiền gửi có số tiền dưới 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) mà không cần phải có phê duyệt của Kiểm soát viên trên hệ thống IPCAS và chứng từ giao dịch trước khi thực hiện.

Lợi dụng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong thời gian từ ngày 19/4/2018 đến ngày 18/10/2018, Đặng Thị Tuyết T đã có hành vi giả chữ ký khách hàng, lập ủy nhiệm chi chuyển khoản tổng cộng 07 lần, với tổng số tiền 90.700.000 đồng từ số tài khoản 4602205039598 của bà Nguyễn Thị D đến các số tài khoản của những người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, cụ thể:

Lần thứ 1: Ngày 19/4/2018, T chuyển số tiền 10.000.000 đồng đến tài khoản số 4602215012156 của bà Hoàng Thị N2 với mục đích trả nợ cho bà N2.

Lần thứ 2: Ngày 14/6/2018, T chuyển số tiền 2.000.000 đồng đến tài khoản số 4601205025766 của bà Nguyễn Thị Minh Đ với mục đích trả nợ cho bà Đ.

Lần thứ 3: Ngày 14/6/2018, T chuyển số tiền 3.000.000 đồng đến tài khoản số 4601205058555 của ông Huỳnh Chí T2 với mục đích trả nợ cho ông T2.

Lần thứ 4: Ngày 15/6/2018, T hỏi mượn số tài khoản 0751000015825 của bà Võ Thị Kim C1 để chuyển đến số tiền 25.000.000 đồng, vì tin tưởng nên bà C1 đồng ý. Sau khi nhận được số tiền trên bà C1 rút tiền mặt và đưa lại cho T.

Lần thứ 5: Ngày 12/7/2018, T chuyển số tiền 700.000 đồng đến tài khoản số 0751000015825 của bà Võ Thị Kim C1, với mục đích trả tiền nợ cho bà C1.

Lần thứ 6: Ngày 22/8/2018, T mượn số tài khoản 0751000015825 của bà Võ Thị Kim C1 để chuyển số tiền 23.000.000 đồng. Sau đó bà C1 chuyển khoản lại đủ số tiền trên cho T.

Lần thứ 7: Ngày 18/10/2018, T hỏi mượn số tài khoản 0751000015825 của bà Võ Thị Kim C1 để chuyển số tiền 27.000.000 đồng. Sau đó bà C1 chuyển khoản lại đủ số tiền trên T.

Sau khi thực hiện thành công các lần giao dịch chuyển khoản, Đặng Thị Tuyết T đã rút ra và sử dụng vào mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau một thời gian giả chứng từ chuyển khoản từ tài khoản bà Nguyễn Thị D, Đặng Thị Tuyết T đã sử dụng tài khoản của mình và mượn tiền từ tài khoản của người khác chuyển trả lại vào tài khoản của bà D. Đến ngày 15/11/2018 bà D đến A chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên – Phòng giao dịch A để giao dịch rút tiền thì phát hiện tài khoản của mình bị thiếu số tiền 27.000.000 đồng nên đã trình báo cho lãnh đạo A chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên –Phòng giao dịch A yêu cầu làm rõ sự việc. Đến ngày 18/11/2018 bà Đặng Thị Tuyết T đã chuyển trả số tiền 27.000.000 đồng lại vào tài khoản của bà D.

Ngày 22/4/2020 Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Phú Yên có bản kết luận giám định số 77/GĐ-PC09, xác định: Chữ ký trên 07 ủy nhiệm chi chuyển khoản,

với tổng số tiền 90.700.000 đồng tại mục chủ tài khoản không phải chữ ký của bà Nguyễn Thị D.

Ngày 10/6/2020 Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên có bản kết luận giám định số 122/GĐ-PC09, xác định: Chữ ký trên 07 ủy nhiệm chi chuyển khoản, tại mục chủ tài khoản là chữ ký, chữ viết của bà Đặng Thị Tuyết T.

Bản kết luận giám định của Ngân hàng N4 chi nhánh tỉnh Phú Yên, thời gian giám định từ ngày 21/9/2023 đến ngày 06/10/2023 kết luận:

+ Giao dịch viên đã giả mạo chữ ký của chủ tài khoản là vi phạm tại khoản 1 Điều 13 Luật kế toán ngày 20/11/2015 "*giả mạo, khai man hoặc thoả thuận, ép buộc người khác giả mạo, khai man tẩy chứng từ kế toán hoặc tài liệu kế toán*".

+ Kiểm soát viên: Tại giấy "uỷ nhiệm chi" ngày 19/4/2018 của A chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên, đứng tên khách hàng trả tiền Nguyễn Thị D, khách hàng thụ hưởng Hoàng Thị N2, số tiền: 10.000.000đ (Mười triệu đồng) chưa có chữ ký kiểm soát, do đó chưa thực hiện đúng quy trình, quy định tại điểm b, khoản 02, Điều 8 Thông tư 46/2014/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và văn bản nội bộ tại điểm b, khoản 2 Điều 9 Quyết định số 5206/QĐ-NHNo-TTTT của A.

Vật chứng vụ án: 07 giấy ủy nhiệm chi do A- chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên phát hành của khách hàng trả tiền mang tên Nguyễn Thị D có số tài khoản 4602205039598, với tổng số tiền trên chứng từ 90.700.000đ.

Về dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị D đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; bị hại không có yêu cầu bồi thường gì.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKSTA ngày 28/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy An truy tố bị cáo Đặng Thị Tuyết T về tội "Tham ô tài sản" theo khoản 1 Điều 353 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã truy tố, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, ăn năn, hối hận về hành vi của mình và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Đại diện theo ủy quyền của bị hại trình bày: trong thời gian từ ngày 19/4/2018 đến ngày 18/10/2018 Đặng Thị Tuyết T là giao dịch viên kế toán tại A chi nhánh T –Phòng giao dịch A đã có hành vi giả chữ ký khách hàng, lập ủy nhiệm chi chuyển khoản tổng cộng 07 lần, với tổng số tiền 90.700.000 đồng từ số tài khoản 4602205039598 của bà Nguyễn Thị D đến các số tài khoản của những người khác nhằm sử dụng mục đích cá nhân. Hành vi của bị cáo đã vi phạm quy định trong quy trình nghiệp vụ Ngân hàng gây thiệt hại đến uy tín cho Ngân hàng; Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án bị cáo đã khắc phục hậu quả, trả lại tiền cho bà Nguyễn Thị D; Ngân hàng cũng không có thiệt hại về tài sản. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo;

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Á, ông Lê Quốc H, ông Lê Văn C, ông Trần Văn T1 khai nhận nội dung vụ việc theo Cáo Trạng

viện dẫn, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ các ông với tư cách là lãnh đạo vì tin tưởng cấp dưới nên đã thiếu kiểm tra giám sát, kiểm soát không chặt chẽ chứng từ giao dịch để xảy ra sai phạm dẫn đến gây thất thoát tài sản của nhà nước giao cho ngân hàng quản lý. Tuy nhiên, quá trình thực hiện các ông không có động cơ vụ lợi và đã kịp thời phát hiện vi phạm, đã đề nghị cá nhân vi phạm tự khắc phục hậu quả.

- Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố phát biểu luận tội, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo: Đặng Thị Tuyết T phạm tội Tham ô tài sản.

Áp dụng khoản 1, 5 Điều 353, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Thị Tuyết T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

+ Về hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ Giao dịch viên kế toán tại Ngân hàng trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

+ Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị không xem xét.

+ Về vật chứng vụ án: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ 07 giấy ủy nhiệm chi do A- chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên phát hành của khách hàng trả tiền mang tên Nguyễn Thị D có số tài khoản 4602205039598, với tổng số tiền trên chứng từ 90.700.000đ.

Trong phần đối đáp, không phát sinh tranh luận gì. Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo vì thiếu hiểu biết pháp luật nên mới sai phạm, bị cáo xin lỗi vì để ảnh hưởng đến uy tín của Ngân hàng; Mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với vật chứng thu giữ, phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết

luận: Trong thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 10/2018, Đặng Thị Tuyết T lợi dụng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình là giao dịch viên kế toán của A chi nhánh huyện T, Phòng giao dịch A đã có hành vi giả chữ ký khách hàng, lập ủy nhiệm chi chuyển khoản 07 lần, từ số tài khoản 4602205039598 của bà Nguyễn Thị D đang gửi tại A chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên đến các số tài khoản của những người khác để chiếm đoạt với tổng số tiền 90.700.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tham ô tài sản", tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 353 BLHS. Do đó, Cáo trạng của VKSND huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo Đặng Thị Tuyết T về tội Tham ô tài sản theo khoản 1 Điều 353 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn để chiếm đoạt tài sản do mình có trách nhiệm quản lý, đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của A- Chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên nói riêng và hoạt động của hệ thống Ngân hàng trong việc quản lý tài sản công nói chung, làm mất niềm tin của quần chúng nhân dân vào một bộ phận cán bộ Ngân hàng có tư tưởng tư lợi như bị cáo. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có tính liên tục, trong đó có 06 lần đủ dấu hiệu cấu thành tội phạm nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Phạm tội 02 lần trở lên" được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, tương xứng với tính chất, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, quá trình giải quyết vụ án đã tự nguyện khắc phục hậu quả; quá trình công tác nhiều năm liền được công nhận là Đoàn viên Công đoàn xuất sắc, Phụ nữ giỏi việc Ngân hàng, đảm việc nhà nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS để giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy việc Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị hình phạt tù đối với bị cáo là có căn cứ nên chấp nhận.

Đối với hành vi của Nguyễn Á- Phó giám đốc A chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên; Trần Văn T1 - Phó giám đốc Phòng giao dịch A, huyện T, tỉnh Phú Yên là các kiểm soát viên trực tiếp kiểm soát chứng từ do Đặng Thị Tuyết T lập khống để chiếm đoạt tài sản; Lê Văn C (Giám đốc Phòng giao dịch A trong thời gian từ tháng 9/2016 đến tháng 5/2018) và Lê Quốc H (Giám đốc Phòng giao dịch A trong thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 6/2021) đã thiếu kiểm tra giám sát, kiểm soát không chặt chẽ chứng từ giao dịch và thiếu trách nhiệm trong công tác quản lý cán bộ để xảy ra sai phạm dẫn đến gây thất thoát tài sản của nhà nước giao cho ngân hàng quản lý. Tuy nhiên, hành vi vi phạm này chưa gây ra thiệt hại lớn (dưới 100.000.000 đồng), quá trình thực hiện không có động cơ vụ lợi và đã kịp thời phát hiện vi phạm, đề nghị cá nhân vi phạm tự khắc phục hậu quả nên không xử lý hình sự.

Đối với hành vi nhận tiền chuyển khoản của Hoàng Thị N2, Nguyễn Thị Minh Đ, Huỳnh Chí T2, Võ Thị Kim C1 từ Đặng Thị Tuyết T với mục đích nhận tiền trả nợ và cho T mượn số tài khoản để chuyển tiền; việc này do ý thức chủ quan những cá nhân này không biết và không thoả thuận gì đối với việc T tự ý lập khống chứng từ để chiếm đoạt tài sản của người khác. Do đó, không xem xét xử lý hình sự đối với những người này là có căn cứ.

Trong thời gian từ tháng 8/2016 đến tháng 9/2017, bà Nguyễn Thị D có thoả thuận thống nhất cho bà Đặng Thị Tuyết T mượn tổng số tiền 375.000.000 đồng nhưng đến nay chưa trả hết, quá trình điều tra xác định việc mượn tiền này là tranh chấp dân sự, không có dấu hiệu tội phạm.

- Về hình phạt bổ sung: Cần cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ Giao dịch viên, kế toán tại các hệ thống Ngân hàng trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường; Bị hại không có yêu cầu bồi thường gì nên không xét.

[4] Về vật chứng vụ án: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ 07 giấy ủy nhiệm chi do A- chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên phát hành của khách hàng trả tiền mang tên Nguyễn Thị D có số tài khoản 4602205039598, với tổng số tiền trên chứng từ 90.700.000đ.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1, 5 Điều 353; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS;

1. Tuyên bố: Bị cáo Đặng Thị Tuyết T phạm tội "Tham ô tài sản".

- Xử phạt: Bị cáo Đặng Thị Tuyết T 02 (hai) năm tù; Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo đảm nhiệm chức vụ Giao dịch viên, kế toán tại các hệ thống Ngân hàng trong thời hạn 02 (hai) năm kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Không xem xét

3. Về xử lý vật chứng vụ án: Tiếp tục lưu giữ theo hồ sơ 07 giấy ủy nhiệm chi do A- chi nhánh huyện T, tỉnh Phú Yên phát hành của khách hàng trả tiền mang tên Nguyễn Thị D có số tài khoản 4602205039598, với tổng số tiền trên chứng từ 90.700.000 đồng.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Đặng Thị Tuyết T phải nộp 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Phú Yên (1)
- VKSND huyện Tuy An (1)
- VKSND tỉnh Phú Yên (1)
- Cơ quan CSĐT CA huyện Tuy An (1)
- Sở Tư pháp (1)
- Chi cục THADS huyện Tuy An (1)
- Cơ quan THAHS Công an huyện Tuy An
- Bị cáo (1); Bị hại (1); người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ (2); Án Văn (1)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Diễm Huyền